

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh
Nhà Khang Điền**

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 29

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103006559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã KDH theo Quyết định niêm yết số 11/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 21 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán và cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất, xây dựng dân dụng và công nghiệp; và tư vấn bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 1 và 2, Lầu 11, Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Trần Thanh Trang	Chủ tịch	
Ông Lý Điền Sơn	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên độc lập	
Ông Lê Quang Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021
Ông Vương Văn Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phương Nam	Trưởng ban
Bà Vương Hoàng Thảo Linh	Thành viên
Bà Lưu Thị Xuân Lai	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vương Văn Minh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021
Ông Lê Quang Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Trương Minh Duy	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Bùi Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thùy Trang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hoàng Khởi	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Minh	từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Vương Văn Minh	từ ngày 4 tháng 3 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 29 tháng 7 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Văn Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 7 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.483.943.037.850	1.695.742.570.282
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	160.545.418.302	43.247.669.781
111	1. Tiền		90.545.418.302	23.247.669.781
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	20.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.254.580.674.195	1.580.509.392.970
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.409.218.006	2.960.166.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	29.278.968.161	28.957.362.379
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	281.500.000.000	1.147.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	940.392.488.028	401.091.864.049
140	III. Hàng tồn kho		65.704.743.197	69.942.230.761
141	1. Hàng tồn kho	9	65.704.743.197	69.942.230.761
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.112.202.156	2.043.276.770
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	44.518.025	138.730.464
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.067.684.131	1.904.546.306
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.040.274.258.270	6.541.713.842.612
210	I. Phải thu dài hạn		922.696.160	922.696.160
216	1. Phải thu dài hạn khác		922.696.160	922.696.160
220	II. Tài sản cố định		1.347.208.642	1.589.219.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.347.208.642	1.589.219.062
222	Nguyên giá		6.416.276.994	6.287.276.994
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.069.068.352)	(4.698.057.932)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		84.000.000	84.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.000.000)	(84.000.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		8.037.565.651.763	6.538.625.651.763
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	8.037.565.651.763	6.538.625.651.763
260	IV. Tài sản dài hạn khác		438.701.705	576.275.627
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	438.701.705	576.275.627
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.524.217.296.120	8.237.456.412.894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		910.596.139.293	528.749.625.389
310	I. Nợ ngắn hạn		406.940.128.758	396.163.040.834
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	986.620.799	1.044.362.121
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	57.856.670.057	60.503.151.626
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.777.278.632	1.542.331.386
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.534.794.521	3.391.890.412
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	892.759.050	2.390.853.750
320	6. Vay ngắn hạn	19	282.000.000.000	282.897.500.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	60.892.005.699	44.392.951.539
330	II. Nợ dài hạn		503.656.010.535	132.586.584.555
338	1. Vay dài hạn	19	500.000.000.000	123.980.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.3	3.100.010.535	8.050.584.555
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		556.000.000	556.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20.1	8.613.621.156.827	7.708.706.787.505
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.613.621.156.827	7.708.706.787.505
411	1. Vốn cổ phần		6.429.370.690.000	5.786.572.190.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.429.370.690.000	5.786.572.190.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		786.153.163.466	744.153.163.466
415	3. Cổ phiếu quỹ		(419.064.793.701)	(419.064.793.701)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		235.145.647.350	177.507.371.350
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.582.016.449.712	1.419.538.856.390
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		722.408.494.130	98.534.766.988
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		859.607.955.582	1.321.004.089.402
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.524.217.296.120	8.237.456.412.894



Nguyễn Ngọc Anh
Người lập



Phạm Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng




Wang Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	21.1	-	-	9.675.460.840	-
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	22	-	-	(9.737.555.791)	-
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		-	-	(62.094.951)	-
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	801.933.751.378	215.953.223.552	914.801.699.602	807.550.503.850
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(16.431.976.028) (16.275.726.029)	(10.496.386.987) (10.430.136.986)	(28.490.965.754) (28.318.465.754)	(24.029.122.907) (23.946.622.905)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(11.764.568.458)	(8.863.635.431)	(24.306.908.608)	(18.698.452.547)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		773.737.206.892	196.593.201.134	861.941.730.289	764.822.928.396
31	8. Thu nhập khác		5.960.000	2.200.000	5.960.000	2.200.000
32	9. Chi phí khác		-	-	(7.290.308.727)	(50.000.000)
40	10. Thu nhập (lỗ) khác		5.960.000	2.200.000	(7.284.348.727)	(47.800.000)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		773.743.166.892	196.595.401.134	854.657.381.562	764.775.128.396
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-	-	-
52	13. Thu nhập (lỗ) thuế TNDN hoãn lại	25.3	4.997.093.075	(399.905.216)	4.950.574.020	(190.869.643)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		778.740.259.967	196.195.495.918	859.607.955.582	764.584.258.753

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập

Phạm Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Vương Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		854.657.381.562	764.775.128.396
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11	371.010.420	395.946.787
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(914.801.699.602)	(807.550.503.850)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	23	28.490.965.754	24.029.122.907
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(31.282.341.866)	(18.350.305.760)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.635.863.496)	2.346.973.600
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		4.237.487.564	(5.726.778.916)
11	Giảm các khoản phải trả		(4.017.370.345)	(22.149.767.249)
12	Giảm chi phí trả trước		231.786.361	395.897.937
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.175.561.645)	(27.000.888.508)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(64.194.532.100)	(26.742.643.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(126.836.395.527)	(97.227.511.896)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(129.000.000)	-
23	Tiền chi cho vay đơn vị khác		(265.000.000.000)	(417.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay đơn vị khác		1.131.000.000.000	309.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.498.940.000.000)	(208.800.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		376.203.144.048	630.925.670.516
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(256.865.855.952)	314.125.670.516
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		126.000.000.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(419.064.793.701)
33	Tiền thu từ đi vay		600.000.000.000	240.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(225.000.000.000)	(302.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		501.000.000.000	(481.064.793.701)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		117.297.748.521	(264.166.635.081)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		43.247.669.781	614.985.873.510
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	160.545.418.302	350.819.238.429



Nguyễn Ngọc Anh
Người lập



Phạm Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Vương Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103006559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã KDH theo Quyết định niêm yết số 11/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 21 tháng 1 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê, mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán và cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất; xây dựng dân dụng và công nghiệp; và tư vấn bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 1 và 2, Lầu 11, Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 25 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 29 tháng 7 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí kế hoạch, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nói trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	6.373.974.602	332.810.512
Tiền gửi ngân hàng	84.171.443.700	22.914.859.269
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	160.545.418.302	43.247.669.781

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc một tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất 4% mỗi năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Phong Hào	500.888.737	9.188.000
Bà Trần Ngọc Anh Đào	455.062.570	455.062.570
Khách hàng khác	2.453.266.699	2.495.915.972
TỔNG CỘNG	3.409.218.006	2.960.166.542

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước để mua quyền sử dụng đất	28.894.060.000	28.894.060.000
Người bán khác	384.908.161	63.302.379
TỔNG CỘNG	29.278.968.161	28.957.362.379

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số dư thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 12%/năm nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động (Thuyết minh số 26).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	898.888.722.222	360.290.166.667
Thuế TNDN tạm nộp (i)	35.966.813.729	35.966.813.729
Tạm ứng cho nhân viên	5.151.214.425	4.449.146.000
Khác	385.737.652	385.737.653
TỔNG CỘNG	940.392.488.028	401.091.864.049

- (i) Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty thực hiện kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên doanh thu thu được tiền từ khách hàng trừ đi chi phí tương ứng.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bất động sản dở dang (*)	63.406.281.289	67.643.768.853
Công trình xây dựng dở dang	2.298.461.908	2.298.461.908
TỔNG CỘNG	65.704.743.197	69.942.230.761

- (*) Bất động sản dở dang bao gồm các dự án đang triển khai để phát triển các khu dân cư như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án Khang Điền Phú Hữu - Topia Garden	29.982.496.783	33.178.498.779
Dự án Khang Điền Phước Long B	22.991.662.220	24.033.147.788
Dự án Khang Điền Long Trường	10.432.122.286	10.432.122.286
TỔNG CỘNG	63.406.281.289	67.643.768.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	44.518.025	138.730.464
Phần mềm máy tính	44.518.025	138.730.464
Dài hạn	438.701.705	576.275.627
Phần mềm máy tính	438.701.705	576.275.627
TỔNG CỘNG	483.219.730	715.006.091

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.530.300.000	756.976.994	6.287.276.994
Mua mới trong kỳ	-	129.000.000	129.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.530.300.000	885.976.994	6.416.276.994
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	604.776.994	604.776.994
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(4.004.940.822)	(693.117.110)	(4.698.057.932)
Khấu hao trong kỳ	(345.643.752)	(25.366.668)	(371.010.420)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(4.350.584.574)	(718.483.778)	(5.069.068.352)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.525.359.178	63.859.884	1.589.219.062
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.179.715.426	167.493.216	1.347.208.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
				Số tiền VND	% sở hữu	Số tiền VND	% sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Phúc (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; xây dựng nhà; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	3.958.324.249.438	100,00	3.758.324.249.438	100,00
Công ty TNHH Tư vấn Quốc Tế (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, xây dựng và kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	841.989.970.703	99,90	182.649.970.703	99,90
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Kim Phát(ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	599.400.000.000	99,90	199.800.000.000	99,90
Công ty Cổ phần Vi La (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	756.000.000.000	99,47	516.000.000.000	99,00
Công ty TNHH Đầu tư Thành Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	429.570.000.000	99,90	429.570.000.000	99,90
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Sapphire	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	383.765.000.000	99,90	383.765.000.000	99,90
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	297.787.760.000	99,80	297.787.760.000	99,80
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước	Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, xây dựng và kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	264.805.200.000	99,90	264.805.200.000	99,90
Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	162.468.250.000	99,95	162.468.250.000	99,95
Công ty TNHH Một Thành viên Hào Khang	Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	110.000.000.000	100,00	110.000.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
				Số tiền VND	% sở hữu	Số tiền VND	% sở hữu
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Nam Phú	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	99.000.000.000	99,00	99.000.000.000	99,00
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Địa ốc Trí Kiệt	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	75.980.000.000	99,90	75.980.000.000	99,90
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	58.475.221.622	51,00	58.475.221.622	51,00
TỔNG CỘNG				8.037.565.651.763		6.538.625.651.763	

- (i) Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, Công ty TNHH Tư vấn Quốc Tế (“Quốc Tế”) đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc tăng vốn điều lệ từ 90.000.000.000 VND lên 750.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty tăng số vốn góp tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Quốc Tế, nâng giá trị khoản đầu tư vào Quốc Tế từ 182.649.970.703 VND lên 841.989.970.703 VND.
- (ii) Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Kim Phát (“Kim Phát”) đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên 600.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty tăng số vốn góp tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Kim Phát, nâng giá trị khoản đầu tư vào Kim Phát từ 199.800.000.000 VND lên 599.400.000.000 VND.
- (iii) Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Vi La (“Vi La”) đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc tăng vốn điều lệ từ 520.000.000.000 VND lên 760.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty tăng số vốn góp tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Vi La, nâng giá trị khoản đầu tư vào Vi La từ 516.000.000.000 VND lên 756.000.000.000 VND.
- (iv) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2021, Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Phúc (“Khang Phúc”) đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận việc tăng vốn điều lệ từ 2.400.000.000.000 VND lên 2.600.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty tăng số vốn góp tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Khang Phúc, nâng giá trị khoản đầu tư vào Khang Phúc từ 3.758.324.249.438 VND lên 3.958.324.249.438 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty CP Kiến trúc Xây dựng Thái An	142.585.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thái Minh Hải	133.567.402	133.567.402
Người bán khác	710.468.397	910.794.719
TỔNG CỘNG	986.620.799	1.044.362.121

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bên khác (*)	56.261.901.702	58.908.383.271
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.594.768.355	1.594.768.355
TỔNG CỘNG	57.856.670.057	60.503.151.626

(*) Số dư thể hiện các khoản trả trước theo tiến độ hợp đồng xây dựng từ khách hàng thuộc dự án Khang Điền Phú Hữu - Topia Garden và dự án Khang Điền Phước Long B.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	737.925.027	-	-	737.925.027
Thuế thu nhập cá nhân	804.406.359	4.372.747.089	(4.137.799.843)	1.039.353.605
TỔNG CỘNG	1.542.331.386	4.372.747.089	(4.137.799.843)	1.777.278.632

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí lãi vay	2.534.794.521	3.391.890.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nhận ký quỹ	800.000.000	800.000.000
Khác	92.759.050	1.590.853.750
TỔNG CỘNG	892.759.050	2.390.853.750

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	44.392.951.539	32.303.104.530
Trích lập quỹ	80.693.586.260	45.761.642.000
Sử dụng quỹ	(64.194.532.100)	(26.742.643.000)
Số cuối kỳ	60.892.005.699	51.322.103.530

19. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	282.000.000.000	282.897.500.000
Trái phiếu phát hành (*)	282.000.000.000	282.897.500.000
Dài hạn	500.000.000.000	123.980.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	300.000.000.000	123.980.000.000
Ngân hàng (**)	200.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	782.000.000.000	406.877.500.000

(*) Chi tiết của trái phiếu phát hành như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			%/năm	
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	<u>582.000.000.000</u>	Ngày 26 tháng 6 năm 2022 và ngày 14 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	12	Tin chấp
<i>Trong đó:</i>					
<i>Ngắn hạn</i>	282.000.000.000				
<i>Dài hạn</i>	300.000.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

(**) Chi tiết của vay ngân hàng như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Quận 4	<u>200.000.000.000</u>	Ngày 6 tháng 4 năm 2025	Đầu tư góp vốn vào Công ty con	11,17	Quyền sử dụng đất thuộc dự án Khu nhà ở 11A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	5.444.291.090.000	720.153.163.466	-	131.745.729.350	742.085.370.838	7.038.275.353.654
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(419.064.793.701)	-	-	(419.064.793.701)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	764.584.258.753	764.584.258.753
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(45.761.642.000)	(45.761.642.000)
Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành	-	-	-	-	(27.456.985.350)	(27.456.985.350)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	45.761.642.000	(45.761.642.000)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>5.444.291.090.000</u>	<u>720.153.163.466</u>	<u>(419.064.793.701)</u>	<u>177.507.371.350</u>	<u>1.387.689.360.241</u>	<u>7.310.576.191.356</u>
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.786.572.190.000	744.153.163.466	(419.064.793.701)	177.507.371.350	1.419.538.856.390	7.708.706.787.505
Phát hành cổ phiếu mới (*)	84.000.000.000	42.000.000.000	-	-	-	126.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	859.607.955.582	859.607.955.582
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	558.798.500.000	-	-	-	(558.798.500.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(57.638.276.000)	(57.638.276.000)
Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành	-	-	-	-	(23.055.310.260)	(23.055.310.260)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	57.638.276.000	(57.638.276.000)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>6.429.370.690.000</u>	<u>786.153.163.466</u>	<u>(419.064.793.701)</u>	<u>235.145.647.350</u>	<u>1.582.016.449.712</u>	<u>8.613.621.156.827</u>

(*) Vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 55.879.850 cổ phiếu phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và phát hành 8.400.000 cổ phiếu phổ thông cho người lao động theo chương trình ESOP với giá phát hành là 15.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2021, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 28 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 5.786.572.190.000 VND lên 6.429.370.690.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	5.786.572.190.000	5.444.291.090.000
Tăng trong kỳ	642.798.500.000	-
Vốn góp cuối kỳ	<u>6.429.370.690.000</u>	<u>5.444.291.090.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	558.798.500.000	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	558.798.500.000	-

20.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	642.937.069	578.657.219
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	642.937.069	578.657.219
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.850.640	19.850.640
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	623.086.429	558.806.579

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND			
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	-	-	9.675.460.840	-
Trong đó:				
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	9.675.460.840	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND			
Cổ tức, lợi nhuận được chia	799.200.000.000	194.785.000.000	887.409.000.000	764.215.000.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.733.751.378	21.168.223.552	27.392.699.602	43.335.503.850
TỔNG CỘNG	801.933.751.378	215.953.223.552	914.801.699.602	807.550.503.850

22. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND			
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-	9.737.555.791	-

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND			
Chi phí lãi vay	16.275.726.029	10.430.136.986	28.318.465.754	23.946.622.905
Phí phát hành trái phiếu, phí lưu ký	156.249.999	66.250.001	172.500.000	82.500.002
TỔNG CỘNG	16.431.976.028	10.496.386.987	28.490.965.754	24.029.122.907

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND			
Lương nhân viên	7.176.339.836	4.587.020.320	14.544.269.744	11.151.584.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.395.966.955	3.204.977.882	7.998.748.338	6.168.948.773
Chi phí khấu hao	308.327.085	202.790.062	371.010.420	395.946.787
Khác	883.934.582	868.847.167	1.392.880.106	981.972.162
TỔNG CỘNG	11.764.568.458	8.863.635.431	24.306.908.608	18.698.452.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.950.574.020)	190.869.643
TỔNG CỘNG	(4.950.574.020)	190.869.643

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	854.657.381.562	764.775.128.396
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	170.931.476.312	152.955.025.679
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.599.749.668	78.843.964
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(177.481.800.000)	(152.843.000.000)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	(4.950.574.020)	190.869.643

25.2 Lỗ thuế

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả	
			hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lỗ thuế	30.831.950.215	40.543.465.084	(9.711.514.869)	5.873.291.468
Trợ cấp thời việc phải trả	111.200.000	111.200.000	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	(4.277.778)
Thu nhập lãi vay dự thu	(1.911.944.444)	(16.574.033.333)	14.662.088.889	(6.059.883.333)
Lợi nhuận chuyển nhượng bất động sản chưa chịu thuế	(32.131.216.306)	(32.131.216.306)	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(3.100.010.535)	(8.050.584.555)		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			4.950.574.020	(190.869.643)

25.4 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 154.159.751.073 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 202.717.325.419 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
2016 (*)	2021	5.297.103.539	(5.297.103.539)	-	-
2017 (*)	2022	25.179.863.891	(25.179.863.891)	-	-
2018 (**)	2023	59.289.904.553	(18.080.606.916)	-	41.209.297.637
2019 (**)	2024	39.340.144.036	-	-	39.340.144.036
2020 (**)	2025	73.610.309.400	-	-	73.610.309.400
TỔNG CỘNG		202.717.325.419	(48.557.574.346)	-	154.159.751.073

(*) Lỗ thuế của Công ty đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

(**) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Sapphire	Công ty con	Chia lợi nhuận	799.200.000.000	-
		Nhận lợi nhuận	265.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng	Công ty con gián tiếp	Thu hồi cho vay	670.000.000.000	129.400.000.000
		Cho vay	160.000.000.000	146.400.000.000
		Thu lãi cho vay	79.645.833.333	7.133.333.333
		Lãi cho vay	15.139.222.222	33.597.166.667
Công ty TNHH Tư vấn Quốc Tế	Công ty con	Góp vốn	659.340.000.000	-
		Thu hồi cho vay	30.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.466.666.666	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Kim Phát	Công ty con	Góp vốn	399.600.000.000	-
		Nhận lợi nhuận	10.500.000.000	-
		Thu hồi cho vay	-	60.000.000.000
		Cho vay	-	60.000.000.000
		Thu lãi cho vay	-	133.333.333
		Lãi cho vay	-	133.333.333
Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Góp vốn	240.000.000.000	120.000.000.000
		Thu hồi cho vay	65.000.000.000	95.000.000.000
		Thu lãi cho vay	4.280.555.556	1.104.166.667
		Lãi cho vay	698.611.110	3.043.750.000
		Cho vay	-	160.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất Động sản Phú Hải	Công ty con	Thu hồi cho vay	201.000.000.000	-
		Thu lãi cho vay	9.001.333.333	-
		Lãi cho vay	5.091.999.999	-
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Phúc	Công ty con	Góp vốn	200.000.000.000	-
		Cho vay	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Thủy Sinh	Công ty con gián tiếp	Thu hồi cho vay	115.000.000.000	-
		Cho vay	55.000.000.000	-
		Thu lãi cho vay	4.990.000.000	-
		Lãi cho vay	2.730.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Hào Khang	Công ty con	Chia lợi nhuận	88.209.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Công ty con	Thu hồi cho vay	50.000.000.000	-
		Thu lãi cho vay	1.983.333.333	-
		Lãi cho vay	116.666.666	-
Công ty TNHH Đầu tư Thành Phúc	Công ty con	Lãi cho vay	1.347.444.446	1.896.000.000
		Thu hồi cho vay	-	25.000.000.000
		Cho vay	-	51.000.000.000
		Chia lợi nhuận	-	396.610.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nhà và Xây dựng Hạ tầng Long Phước Điền	Công ty con	Trả tiền vay	-	37.000.000.000
		Lãi vay và trả lãi vay	-	25.694.444
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Không Gian Xanh	Công ty con gián tiếp	Trả tiền vay	-	20.000.000.000
		Lãi vay và trả lãi vay	-	13.888.888
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Minh Phát	Công ty con gián tiếp	Trả tiền vay	-	20.000.000.000
		Lãi vay và trả lãi vay	-	13.888.888
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước	Công ty con	Nhận lợi nhuận	-	25.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất Động sản Nam Phú	Công ty con gián tiếp	Góp vốn	-	79.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng	Công ty con gián tiếp	Cho vay	160.000.000.000	670.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thành Phúc	Công ty con	Cho vay	51.500.000.000	51.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Phúc	Công ty con	Cho vay	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Quốc Tế	Công ty con	Cho vay	20.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Bất Động sản Phú Hải	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	201.000.000.000
Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Cho vay	-	65.000.000.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Thủy Sinh	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Công ty con	Cho vay	-	50.000.000.000
TỔNG CỘNG			281.500.000.000	1.147.500.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Sapphire	Công ty con	Lợi nhuận được chia	534.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Trí Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	249.500.000.000	249.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hào Khang	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.866.666.667
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Kim Phát	Công ty con	Lợi nhuận được chia	88.209.000.000	-
Công ty Cổ phần Vi La	Công ty con	Lợi nhuận phân phối	14.290.000.000	24.790.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thành Phúc	Công ty con	Lãi cho vay	5.513.055.556	3.581.944.445
Công ty TNHH Tư vấn Quốc Tế	Công ty con	Lợi nhuận phân phối	3.130.000.000	3.130.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng	Công ty con	Lãi cho vay	-	4.165.611.111
Công ty TNHH Phát triển Bất Động sản Phú Hải	Công ty con	Lãi cho vay	3.333.333.333	1.866.666.667
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	713.333.333	65.219.944.444
Công ty TNHH Phát triển Bất Động sản Phú Hải	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	3.909.333.333
Công ty TNHH Bất Động Sản Thủy Sinh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	2.260.000.000
TỔNG CỘNG			898.888.722.222	360.290.166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Đô thị Mê Ga	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	<u>1.594.768.355</u>	<u>1.594.768.355</u>

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đến 1 năm	3.612.612.500	3.612.612.500
Trên 1 đến 5 năm	<u>6.707.352.500</u>	<u>6.948.852.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.319.965.000</u>	<u>10.561.465.000</u>

28. GIẢI TRÌNH TĂNG LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ

Công ty có khoản tăng từ việc nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con với giá trị khoảng 605 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong quý 2/2021 tăng hơn 297% so với cùng kỳ quý 2/2020.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý 2 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Ngọc Anh
Người lập



Phạm Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Wương Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2021